TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2020
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Trúc Đào**

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông **Lê Huỳnh Hải Đăng**

2 - Ông **Lê Văn Thuận**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Du** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 880/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1972 (Có đơn xin xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Số 25, tổ 15, ấp T, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1964 (Có đơn xin xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Địa chỉ: Số 25, tổ 15, ấp T, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 ngày 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà M và ông A sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 2003, không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc được 08-09 năm thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế gia đình hao hụt, ông bà thường xuyên bất hòa, đời sống chung không còn hòa hợp. Nay bà M yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 28/9/2004 và

Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/11/2011, khi ly hôn bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông A thống nhất với lời trình bày của bà M về quan hệ hôn nhân, chung sống không đăng ký kết hôn. Đời sống chung không hạnh phúc do ông A làm ăn thất bại, mâu thuẫn về mặt kinh tế và tiền bạc kéo dài nên bất hòa với nhau, nay ông A đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông A thống nhất với lời trình bày của bà M. Ông đồng ý giao hai con chung cho bà M nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bà M, ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông A là đúng quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà M và ông A. Về con chung: giao cháu Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị Ngọc T cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết. Bà M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] **Về tố tụng:** Bà M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông A cư trú tại ấp T, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M, ông A là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về hôn nhân:** Bà M, ông A tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2003, không có đăng ký kết hôn, là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do vậy Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông bà là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

[3] **Về con chung**: Có 02 người con tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 28/9/2004 và Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/11/2011. Ông bà thống nhất giao cả hai con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đồng thời quá trình thu thập chứng cứ thể hiện cả hai con chung đều có nguyện vọng sống với mẹ, do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông bà về người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Căn cứ Điều 14; Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn A là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 28/9/2004 và Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/11/2011 cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông A, bà M không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008300 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, bà M đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà M, ông A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Lê Thị Trúc Đào